

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI D2D
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI D2D

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109615989

3. Ngày thành lập: 29/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, Số 33 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0355555968

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
3.	Sao chép bản ghi các loại	1820
4.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
5.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
6.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
7.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
8.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
9.	Hoạt động hậu kỳ Chi tiết: Hoạt động như biên tập, truyền phim/băng, đầu dề, phụ dề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim ...), thuyết minh, lồng tiếng đồ họa máy tính, sản xuất các phim hoạt họa và các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động, phát triển và xử lý phim điện ảnh, các hoạt động làm thử phim điện ảnh, hoạt động của các phòng thí nghiệm đặc biệt dành sản xuất phim hoạt họa.	5912
10.	Lập trình máy vi tính	6201
11.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
12.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
13.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209

14.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
17.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
18.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
19.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
20.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động phóng viên nhiếp ảnh)	7420
21.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở và việc cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hoá và giải trí cho khách hàng. (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
22.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
23.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
24.	Xuất bản phần mềm (Không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm)	5820
25.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh; Hoạt động sản xuất phim video	5911
26.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
27.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
28.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
29.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết: Sản xuất mì đông lạnh hoặc mì đóng gói	1074
30.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
31.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
32.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
33.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: đại lý, môi giới (trừ môi giới đấu giá, môi giới bảo hiểm)	4610

34.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh)	4620
35.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
36.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
43.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm lưu động hoặc tại chợ	4781
45.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; (Không bao gồm hoạt động Đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
47.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
49.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
50.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
54.	Bốc xếp hàng hóa	5224

55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng, giao nhận hàng hóa; dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải. dịch vụ đại lý tàu biển; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hàng hải khác (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không); đại lý vận chuyển hàng hóa.	5229
56.	Dịch vụ đóng gói	8292
57.	Quảng cáo	7310
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Không bao gồm hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu	8299

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 190.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG VĂN ĐÔNG	Tổ 1, Thị Trấn Ba Sao, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	114.000	1.140.000.000	60,000	035096002502	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	114.000	1.140.000.000	60,000		

2	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Tổ 1, Thị Trấn Ba Sao, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	20,000	0350950038 03
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	38.000	380.000.000	20,000	
3	NGUYỄN TRƯỜNG SON	thôn Bình Minh, Xã Quế Nham, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	20,000	122187791
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	38.000	380.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/11/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035096002502

Ngày cấp: 01/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, Thị trấn Ba Sao, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 1, Thị trấn Ba Sao, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội